

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tôn giáo học định hướng nghiên cứu, mã số ngành: 8229009.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tôn giáo học định hướng nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa

tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng Bộ môn Tôn giáo học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
MÃ SỐ : 8229009

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2920 /QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Tôn giáo học
- + Tiếng Anh: Religious Studies

- Mã số ngành đào tạo: 8229009

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tôn giáo học
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Religious Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ thạc sĩ có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, hiện đại, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về Tôn giáo học, có năng lực vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn công tác. Có khả năng thiết kế, xây dựng, lập kế hoạch hoặc trực tiếp thực hiện việc giải quyết các vấn đề hay các đề án liên quan đến

chuyên ngành được đào tạo, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy, quản lý các lĩnh vực liên quan đến công tác Tôn giáo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Vận dụng sáng tạo hệ thống lý thuyết về Tôn giáo học, phương pháp nghiên cứu liên ngành và kiến thức chuyên môn sâu, rộng về Tôn giáo;

- Có khả năng áp dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia tổ chức hoạt động nghiên cứu, công tác giảng dạy, giải quyết được các vấn đề từ thực tiễn công tác, tư vấn các chính sách liên quan đến công tác Tôn giáo;

- Có bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, có thái độ hợp tác, nghiêm túc trong công việc, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, đồng thời yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đều đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Yêu cầu khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1 Danh mục ngành phù hợp:

- Ngành phù hợp 1: Tôn giáo học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Giáo dục chính trị.

- Ngành phù hợp 2: Tâm lý học, Xã hội học, Gia đình học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương

trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. *Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2*

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3
2	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	3
3	Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp	3
4	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3
Tổng cộng		12

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (Dự kiến 10-15 học viên/ 1 năm).
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN và đề án tuyển của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1: Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO 2. Vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực Tôn giáo học.

PLO 3. Phân tích các vấn đề liên quan đến tình hình tôn giáo ở Việt Nam và thế giới.

PLO 4. Lý giải một cách khách quan và khoa học về một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến Tôn giáo.

1.3. Nghiên cứu Khoa học

PLO 5. Xây dựng được khung lý thuyết để triển khai đề tài nghiên cứu khoa học

PLO 6. Lập kế hoạch nghiên cứu trình bày theo quy chuẩn khoa học.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

- Đề tài luận văn đúng mã số chuyên ngành, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa thông qua và được giao cho học viên theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Kiến thức luận văn Thạc sĩ: Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, có những đóng góp giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành Tôn giáo học.

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Kết quả luận văn có đóng góp nhất định với ngành, có giá trị đối với lĩnh vực nghiên cứu, hoạt động của người học.

- Luận văn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể khác theo quy định của ĐHQGHN.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 7. Có kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến Tôn giáo học toàn diện, khách quan, trên cơ sở đó đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề một cách khoa học;

PLO 8. Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng và khoa học tại cơ quan chuyên môn và các nhà nghiên cứu;

PLO 9. Có kỹ năng tổ chức và đánh giá hiệu quả của các đề án, các hoạt động Tôn giáo, văn hóa và tín ngưỡng;

PLO 10. Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý và giải quyết các công tác liên quan đến nghiệp vụ, sử dụng công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp;

PLO 11. Có kỹ năng Quản lý và triển khai một đề tài/đề án nghiên cứu một cách độc lập

PLO 12. Có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 13. Nghiên cứu đưa ra những kết luận, sáng kiến trong lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng.

PLO 14. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tôn giáo.

PLO 15. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tôn giáo.

PLO 16. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến Tôn giáo.

PLO 17. Trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có tư duy phản biện, sáng tạo, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác tích cực trong nghiên cứu và công việc. Luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Tôn giáo học định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Tham gia công tác nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo khác.

- Làm việc tại các cơ quan ban ngành của Chính phủ, địa phương như: Ban Dân vận, Bộ Nội vụ... và các đoàn thể chính trị xã hội khác.

- Công tác trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Tôn giáo;

- Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Tôn giáo học có thể học tiếp lên bậc học Tiến sĩ tại Việt Nam hoặc đi nghiên cứu chuyên sâu ở nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy của chương trình đào tạo: **60** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung **09** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **24** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 15 tín chỉ
 - + Tự chọn: 09 tín chỉ/21 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **27** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>Germany B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanes B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thailand B2</i>	5	250	0	0	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24				
II.1	Các học phần bắt buộc		15				
3	REL6001	Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Tôn giáo <i>Marxism - Leninism and Ho Chi Minh, the Communist Party of Viet Nam on Religion</i>	3	40	10	100	
4	REL6002	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội <i>Religious, Cultural and Social life</i>	3	40	10	100	
5	REL6003	Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo <i>Methodology and Method of religious research</i>	3	40	10	100	
6	REL6004	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <i>State management of belief and religious activities today in Vietnam</i>	3	40	10	100	
7	REL6005	Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á <i>Beliefs and religions in Southeast Asia</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		9/21				
8	REL6006	Nguồn lực của tôn giáo và phát huy nguồn lực của tôn giáo ở Việt Nam	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Religious resource and the way to promote of religious resource in Vietnam</i>					
9	REL6007	Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu <i>New religion movement in the global context</i>	3	40	10	100	
10	REL6008	Phật giáo và văn hóa Việt Nam: Lịch sử và hiện tại <i>Buddhism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
11	REL6009	Công giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Catholicism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
12	REL6010	Đạo Tin Lành và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Protestantism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
13	REL6011	Hồi giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Islam and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
14	REL6012	Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam <i>The practice of profession on religious work in Vietnam</i>	3	40	10	100	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
15	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
16	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
17	REL6015	Dự án nghiên cứu thực địa <i>Field studies</i>	4	10	0	190	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
18	REL7001	Luận văn Thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15	0	0	750	
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá